TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên toà:Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1374/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 1412/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiệntrú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn P, trú quán: Thôn Q, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng

vào ngày 01 tháng 9 năm 1999. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận nhưng sau đó thì vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh P không chịu làm ăn, lo toan cho gia đình vợ, con hay uống rượu gây sự và đánh chị T. Chị T và gia đình đã động viên khuyên giải anh P nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh P. Về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2000, hiện cháu đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng. Về tài sản chungchị T trình bày: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập nhiều lần đến tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh Đỗ Văn P đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh Đỗ Văn P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Tđã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Pkhông đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.Xử cho chị T được ly hôn anh P; về con chung: Chị T và anh P có 01 con chung là Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2000, hiện đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiêntoà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Tcó đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Pvắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T và bị đơn anh P.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 01 tháng 9 năm 1999là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do anh P không chịu làm ăn, lo toan cho gia đình, hay uống rượu gây sự đánh chị T. Chị T và gia đình đã động viên anh P nhiều lần nhưng anh P không thay đổi gì mà mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, hiện chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Tvà anh P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh P có 01 con chung là Đỗ Thị Thùy D, sinh ngày 13 tháng 01 năm 2000, hiện đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đỗ Văn P.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017379 ngày 25tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)